

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 21 - 8 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Bảo và ông Nguyễn Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HS ngày 25/7/2019, đối với bị cáo:

Trịnh Khánh L, sinh ngày 29/7/1999 tại phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Thái H và bà Nguyễn Thị H; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/4/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

+ Anh Nguyễn Khắc L, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu phố 6, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964; nơi cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27 tháng 02 năm 2019, sau khi có ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì Trịnh Khánh L đã điều khiển xe đạp điện biển kiểm soát 73MD - 026.01 đến khu vực chợ Xếp thuộc khu phố 3, phường B, thị xã B tìm nhà nào có sơ hở để thực hiện ý định của mình. Khi đi đến trước cửa nhà của chị Nguyễn Thị D ở khu vực này, quan sát thấy cửa cổng và cửa chính không khóa, xung quanh lại không có người nên L đã dừng xe trước cổng rồi đột nhập vào nhà. Thấy nhà không có ai nên L đã vào phòng ngủ thứ hai để lục tìm tài sản và phát hiện thấy trên móc áo quần có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro đang sạc pin và trên đầu giường ngủ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6. L nhanh chóng lấy trộm 02 chiếc điện thoại di động, sau đó đến bán cho anh Nguyễn Văn P (Là nhân viên sửa chữa điện thoại của cửa hàng “T” tại chợ B) với giá 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, L khai nhận ngoài vụ trộm cắp tài sản trên, L còn thực hiện 01 vụ trộm cắp khác trên địa bàn thị xã Ba Đồn. Cụ thể:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20 tháng 3 năm 2019, L điều khiển xe đạp điện biển kiểm soát 73MD - 026.01 đến khu vực gần trụ sở T thuộc khu phố 6, phường B tìm nhà nào sơ hở để thực hiện trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà anh Nguyễn Khắc L, nhìn thấy cửa cổng mở nên L đã dừng xe lại rồi đi bộ vào trong nhà. Tại đây, L thấy có một số đứa bé khoảng 5-6 tuổi đang ngồi xem phim ở phòng khách. L nói “Bé ơi cho chị hỏi nhà”, nhưng không ai trả lời. Nó xong, L đi thẳng vào phòng ngủ cạnh phòng khách, thấy cửa phòng khép hờ, L đẩy cửa đi vào và quan sát thấy có 01 quần dài nam treo ở móc quần áo trên tường, L đến lục túi quần sau rồi lấy 01 ví da nam màu đen bỏ vào túi xách mang theo người rồi đi ra ngoài điều khiển xe đạp điện về lại nhà ở của mình. L mở ví da ra lấy số tiền 4.000.000 đồng, còn ví da đem cất giấu tại căn nhà cũ nằm trong khuôn viên gia đình. Do sợ hành vi của mình bị phát hiện nên L đã gọi điện thoại về cho mẹ mình là chị Nguyễn Thị H và nói mình nhặt được 01 ví da bên trong có 4.000.000 đồng nhưng đã tiêu xài cá nhân hết. L mượn mẹ 4.000.000 đồng và chỉ chỗ cất giấu ví rồi nhờ mẹ mang ví và tiền đến trả cho anh Nguyễn Khắc L, chị H đồng ý. Đến chiều ngày 22 tháng

3 năm 2019, chị H đã mang ví da cùng số tiền 4.000.000 đồng đến giao trả cho anh Nguyễn Khắc L.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã tạm giữ và giao trả tài sản cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Khắc L 01 chiếc ví da, trên thân ví có chữ HOBBIES, đã qua sử dụng.

Đối với 02 chiếc điện thoại di động là tài sản bị cáo lấy trộm của chị Nguyễn Thị D, do chủ cửa hàng sửa chữa điện thoại “T” đã bán lại cho khách đến mua lại không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B không thu hồi lại được.

Đối với chiếc xe đạp điện biển kiểm soát 73MD - 026.01 mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, đây là tài sản của mẹ bị cáo là chị Nguyễn Thị H, chị H không biết L sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và chị H cũng đã bán cho một người thanh niên không rõ danh tính nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B không thu giữ.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thỏa thuận hoàn trả tài sản mà bị cáo đã lấy trộm cho người bị hại là anh Nguyễn Khắc L và hai bên đều không có yêu cầu gì thêm. Đối với tài sản bị cáo lấy trộm của bị hại Nguyễn Thị D, tuy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B không thu hồi lại được nhưng chị D đã thỏa thuận với gia đình bị cáo sẽ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Về phía người liên quan, chị Nguyễn Thị H (mẹ của bị cáo) là người đã cho bị cáo mượn 4.000.000 đồng để trả cho bị hại anh Nguyễn Khắc L cũng không có yêu cầu hay đề nghị gì. Các bên đều không có yêu cầu gì thêm.

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Ba Đồn, thì trị giá tài sản của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Khắc L tại thời điểm bị bị cáo chiếm đoạt trị giá 6.920.000 đồng. Ngoài ra, bên trong chiếc ví da mà bị cáo đã trộm được của anh Nguyễn Khắc L còn có 4.000.000 đồng tiền Việt Nam đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 10.920.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 30/VKSTXBĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố bị cáo Trịnh Khánh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trịnh Khánh L, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Khánh L từ 06 đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Khánh L với mức hình phạt là 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt và mức xử lý mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã đề xuất đối với bị cáo.

Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không có ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Khánh L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 3/2019, bằng thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của những người dân trên địa bàn phường B thuộc thị xã B nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài, phục vụ nhu cầu cá nhân. Tài sản bị cáo trộm được là 02 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc ví da bên trong có 4.000.000 đồng tiền mặt với tổng trị giá tài sản theo kết luận của cơ quan chuyên môn tại thời điểm mất trộm là 10.920.000 đồng. Như vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn thống nhất, phù hợp với lời khai của những người bị hại, các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Trịnh Khánh L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân và gây mất trật tự trong địa bàn. Bị cáo là một thanh niên có sức khỏe và có đầy đủ năng lực nhận thức pháp luật, đáng lý ra bị cáo cần phải tự tu dưỡng, rèn luyện, tự mình lao động tạo ra thu nhập để nuôi sống bản thân, sống có ích cho gia đình và xã hội nhưng ngược lại đã không chịu khó làm ăn, rèn luyện đạo đức, cộng với ý thức coi thường pháp luật nên đã dẫn đến hành động phạm tội nhằm nhanh chóng có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để xử phạt nghiêm nhằm mục đích răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật đối với bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với các đối tượng khác.

[4] Liên quan trong vụ án có các anh Nguyễn Văn P là người đã mua lại 02 chiếc điện thoại di động mà bị cáo đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị D; chị Nguyễn Thị H là người đã cho bị cáo mượn tiền rồi mang tiền và ví da là tài sản mà bị cáo trộm cắp được đến trả cho bị hại Nguyễn Khắc L. Tuy nhiên, trong quá trình trên anh P và chị H đều không biết các tài sản trên là do bị cáo trộm cắp mà có, do đó các hành vi của anh P và chị H đều chưa đủ yếu tố để cấu thành tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B chỉ răn đe, nhắc nhở, giáo dục là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy:

Trong vụ án này bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện qua việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ thiệt hại cho những người bị hại để khắc phục hậu quả do mình gây ra; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội trước đó. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt áp dụng:

Hội đồng xét xử thấy, cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo tiến bộ, sớm trở lại là công dân lương thiện, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về ý kiến tranh luận của người bào chữa:

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh Khánh L với mức hình phạt là 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Hội đồng xét thấy đề nghị của người bào chữa là chưa phù hợp với quy định pháp luật nên không chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ và kịp thời giao trả cho bị hại là anh Nguyễn Khắc L; thiệt hại mà bị cáo gây ra cho anh L trong giai đoạn điều tra đã thỏa thuận và bồi thường đầy đủ cho anh L. Đối với tài sản bị cáo lấy trộm của bị hại Nguyễn Thị D, tuy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B không thu hồi lại được nhưng chị D đã thỏa thuận với gia đình bị cáo sẽ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Về phía người liên quan, chị Nguyễn Thị H (mẹ của bị cáo) là người đã cho bị cáo mượn 4.000.000 đồng để trả cho bị hại anh Nguyễn Khắc L cũng không có yêu cầu hay đề nghị gì. Các bên đều cam kết không khiếu nại, khiếu kiện gì về mặt dân sự. Sự thỏa thuận đó giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

[9] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B đã tiến hành thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu là bị hại anh L 01 chiếc ví da. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không phải xem xét thêm.

[10] Về án phí:

Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Tuyên bố: bị cáo Trịnh Khánh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trịnh Khánh L 06 (Sáu) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về án phí:

Buộc bị cáo Trịnh Khánh L phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn